







MỤC LỤC


Nội dung	Trang	
1. MCB	3	
2. RCBO	6	
3. RCCB	6	
4. MCCB	7	
5. CONSUMER UNIT	12	
6. CONTACTOR	12	
7. STARTER	15	
8. RELAY	16	
9. THERMOL OVERLOAD RELAY	18	
10. BUTTON-LAMP	21	
11. TRANSFORMER	28	
12. AMPERE METER	29	
13. LIMIT SWITCH	30	

SẢN PHẨM	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT			ĐƠN GIÁ (VNĐ)		
	Loại	In	Ics(KA)			
eB(DZ47) 4.5kA IEC/EN60898-1						
eB(DZ47)/1P/C Curve/4.5kA 1*18mm						
	eB	1P	C	6-40A	4.5kA	36,000
	eB	1P	C	50-63A	4.5kA	41,000
eB(DZ47)/2P/C Curve/4.5kA 2*18mm						
	eB	2P	C	6-40A	4.5kA	76,000
	eB	2P	C	50-63A	4.5kA	86,000
eB(DZ47)/3P/Curve C/4.5kA 3*18mm						
	eB	3P	C	6-40A	4.5kA	115,000
	eB	3P	C	50-63A	4.5kA	130,000
eB(DZ47)/4P/Curve C/4.5kA 4*18mm						
	eB	4P	C	6-40A	4.5kA	160,000
	eB	4P	C	50-63A	4.5kA	180,000
eB(DZ47) 6kA IEC/EN60898-1						
eB(DZ47)/1P/Curve C/6kA 1*18mm						
	eBG	1P	C	6-40A	6kA	42,000
eB(DZ47)/2P/Curve C/6kA 2*18mm						
	eBG	2P	C	6-40A	6kA	88,000
eB(DZ47)/3P/Curve C/6kA 3*18mm						
	eBG	3P	C	6-40A	6kA	131,000
eB(DZ47)/4P/Curve C/6kA 4*18mm						
	eBG	4P	C	6-40A	6kA	184,000









SẢN PHẨM	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT			ĐƠN GIÁ (VNĐ)		
	Loại	In	Ics(KA)			
NB1 6kA IEC/EN60898-1(IEC/EN60947-2 15kA)						
NB1/1P/6kA 1*18mm						
	NB1	1P	C	6-40A	6kA	69,000
	NB1	1P	C	50-63A	6kA	77,000
NB1/2P/6kA 2*18mm						
	NB1	2P	C	6-40A	6kA	141,000
	NB1	2P	C	50-63A	16kA	157,000
NB1/3P/6kA 3*18mm						
	NB1	3P	C	6-40A	6kA	203,000
	NB1	3P	C	50-63A	6kA	224,000
NB1/4P/6kA 4*18mm						
	NB1	4P	C	6-40A	6kA	327,000
	NB1	4P	C	50-63A	6kA	361,000
DZ158 10kA IEC/EN 60947-2						
DZ158/1P/10kA 1*18mm						
	DZ158	1P		63A	10kA	122,000
	DZ158	1P		80A	10kA	127,000
	DZ158	1P		100A	10kA	132,000
	DZ158	1P		125A	10kA	170,000


SẢN PHẨM	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT			ĐƠN GIÁ (VNĐ)	
	Loại	In	Ics(KA)		
DZ158/2P/10kA 2*18mm					
	DZ158	2P	63A	10kA	244,000
	DZ158	2P	80A	10kA	252,000
	DZ158	2P	100A	10kA	263,000
	DZ158	2P	125A	10kA	339,000
DZ158/3P/10kA 3*18mm					
	DZ158	3P	63A	10kA	365,000
	DZ158	3P	80A	10kA	379,000
	DZ158	3P	100A	10kA	395,000
	DZ158	3P	125A	10kA	508,000
DZ158/4P/10kA 4*18mm					
	DZ158	4P	63A	10kA	486,000
	DZ158	4P	80A	10kA	505,000
	DZ158	4P	100A	10kA	526,000
	DZ158	4P	125A	10kA	677,000

SẢN PHẨM	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT							Tiêu chuẩn	ĐƠN GIÁ (VNĐ)
	Type	Pole	Curve	In	I Δ n	Ics	Type	IEC/EN	
NB1L A-TYPE IEC/EN61009-1									
NB1L/1P+N/6kA/A-TYPE 1*45mm									
	NB1L	1P+N	C	10A	30mA	6kA	AC	61009-1	303,000
	NB1L	1P+N	C	16A	30mA	6kA	AC	61009-1	303,000
	NB1L	1P+N	C	20A	30mA	6kA	AC	61009-1	303,000
	NB1L	1P+N	C	25A	30mA	6kA	AC	61009-1	303,000
	NB1L	1P+N	C	32A	30mA	6kA	AC	61009-1	303,000
	NB1L	1P+N	C	40A	30mA	6kA	AC	61009-1	336,000
	NB1L	1P+N	C	50A	30mA	6kA	AC	61009-1	448,000
	NB1L	1P+N	C	63A	30mA	6kA	AC	61009-1	448,000
	NB1L	2P	C	25A	30mA	6kA	AC	61009-1	364,000
	NB1L	2P	C	40A	30mA	6kA	AC	61009-1	406,000
	NB1L	2P	C	50A	30mA	6kA	AC	61009-2	559,000
	NB1L	2P	C	63A	30mA	6kA	AC	61009-1	559,000


SẢN PHẨM	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT						Tiêu chuẩn	ĐƠN GIÁ (VNĐ)
	Type	Pole	In	I Δ n	Ics	Type	IEC/EN	
NL1 AC-TYPE IEC/EN61009-1								
	NL1	2P	25A	30mA	6kA	AC	61009-1	357,000
	NL1	2P	40A	30mA	6kA	AC	61009-1	357,000
	NL1	2P	63A	30mA	6kA	AC	61009-1	414,000
	NL1	4P	25A	30mA	6kA	AC	61009-1	514,000
	NL1	4P	40A	30mA	6kA	AC	61009-1	514,000
	NL1	4P	63A	30mA	6kA	AC	61009-1	585,000

SẢN PHẨM	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT					ĐƠN GIÁ (VNĐ)
		Frame size	pole	Icu-Ka	In(A)	
NM1-63						
NM1-63S-3P						
	NM1	63	3P	15	10 16 20 25	695,000
	NM1	63	3P	15	32 40 50	695,000
	NM1	63	3P	15	63	695,000
NM1-63H-3P						
	NM1	63	3P	35	10 16 20 25	752,000
	NM1	63	3P	35	32 40 50	752,000
	NM1	63	3P	35	63	752,000
NM1-63H-4P						
	NM1	63	4P	35	10 16 20 25	969,000
	NM1	63	4P	35	32 40 50	969,000
	NM1	63	4P	35	63	969,000
NM1-125						
NM1-125H-2P						
	NM1	125	3P	25	25 32 40	665,000
	NM1	125	3P	25	50 63	665,000
NM1-125S-3P						
	NM1	125	3P	25	63 80 100 125	752,000
NM1-225						
NM1-225S-3P						
	NM1	225	3P	25	100 125 160	1,071,000
	NM1	225	3P	25	180 200 225	1,071,000
	NM1	225	3P	25	250	1,071,000



SẢN PHẨM	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT					ĐƠN GIÁ (VNĐ)
		Frame size	pole	Icu-Ka	In(A)	
NM1-225H-3P						
	NM1	225	3P	50	100 125 160	1,331,000
	NM1	225	3P	50	180 200 225	1,331,000
	NM1	225	3P	50	250	1,331,000
NM1-225H-4P						
	NM1	225	4P	50	100 125 160	1,562,000
	NM1	225	4P	50	180 200 225	1,562,000
	NM1	225	4P	50	250	1,562,000
NM1-225R-3P						
	NM1	225	3P	65	100 125 160	1,475,000
	NM1	225	3P	65	180 200 225	1,475,000
	NM1	225	3P	65	250	1,475,000
NM1-250S-3P						
	NM1	250	3P	25	100 125 160	1,071,000
	NM1	250	3P	25	180 200 225	1,071,000
	NM1	250	3P	25	250	1,071,000
NM1-400						
NM1-400S-3P						
	NM1	400	3P	35	225 250 315	3,181,000
	NM1	400	3P	35	350 400	3,181,000
NM1-400S-4P						
	NM1	400	4P	35	225 250 315	4,193,000
	NM1	400	4P	35	350 400	4,194,000
NM1-400H-3P						
	NM1	400	3P	50	225 250 315	3,760,000
	NM1	400	3P	50	350 400	3,760,000
NM1-400H-4P						
	NM1	400	4P	50	225 250 315	5,061,000
	NM1	400	4P	50	350 400	5,061,000





SẢN PHẨM	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT					ĐƠN GIÁ (VNĐ)
		Frame size	pole	Icu-Ka	In(A)	
NM1-400R-3P						
	NM1	400	3P	70	225 250 315	4,194,000
	NM1	400	3P	70	350 400	4,194,000
NM1-630						
NM1-630S-3P						
	NM1	630	3P	35	500	5,205,000
	NM1	630	3P	35	630	5,205,000
NM1-630S-4P						
	NM1	630	4P	36	500	6,709,000
	NM1	630	4P	37	630	6,709,000
NM1-630H-3P						
	NM1	630	3P	50	500	5,350,000
	NM1	630	3P	50	630	5,350,000
NM1-630H-4P						
	NM1	630	4P	50	500	6,796,000
	NM1	630	4P	50	630	6,796,000
NM1-630R-3P						
	NM1	630	3P	70	500	5,928,000
	NM1	630	3P	70	630	5,928,000
NM1-800						
NM1-800H-3P						
	NM1	800	3P	60	630	8,675,000
	NM1	800	3P	60	700	8,675,000
	NM1	800	3P	60	800	8,675,000
NM1-800H-4P						
	NM1	800	4P	60	630	10,844,000
	NM1	800	4P	60	700	10,844,000
	NM1	800	4P	60	800	10,844,000







SẢN PHẨM	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT					ĐƠN GIÁ (VNĐ)
		Frame size	pole	Icu-Ka	In(A)	
NM1-800R-3P						
	NM1	800	3P	70	630	8,675,000
	NM1	800	3P	70	700	8,675,000
	NM1	800	3P	70	800	8,675,000
NM1-1250						
NM1-1250H-3P						
	NM1	1250	3P	65	700	15,037,000
	NM1	1250	3P	65	800	15,037,000
	NM1	1250	3P	65	700	15,037,000
	NM1	1250	3P	65	800	15,037,000
NM8-125						
NM8-125S-3P						
	NM8	125	3P	85	10 16 20 25 32	1,738,000
	NM8	125	3P	85	40 50 63	1,738,000
	NM8	125	3P	85	80 100 125	1,738,000
NM8-250S-3P						
	NM8	250	3P	85	100 125 160	2,336,000
	NM8	250	3P	85	180 200 225	2,336,000
	NM8	250	3P	85	250	2,336,000
NM8-400S-3P						
	NM8	400	3P	85	225 250 315	4,529,000
	NM8	400	3P	85	350 400	4,529,000
NM8-630S-4P						
	NM8	630	3P	85	500	5,184,000
	NM8	630	3P	85	630	5,184,000


SẢN PHẨM		MÃ HÀNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)
	NX8 IEC/EN 60439-3		
		NX8-5	288,000
		NX8-8	336,000
		NX8-12	408,000
		NX8-15	446,000
		NX8-20	552,000
		NX8-24	600,000

CONTACTOR



SẢN PHẨM	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT				ĐƠN GIÁ (VNĐ)
		Pole	Auxiliary contact	Rating Amps	
NC1-Series (IEC/EN604047-4)					
NC1-3P (AC Coil)					
	NC1-0901	3P (3NO)	1NC	9A	169,000
	NC1-0910	3P (3NO)	1NO	9A	169,000
	NC1-1021	3P (3NO)	1NC	12A	172,000
	NC1-1210	3P (3NO)	1NO	12A	172,000
	NC1-1801	3P (3NO)	1NC	18A	205,000
	NC1-1810	3P (3NO)	1NO	18A	205,000
	NC1-2501	3P (3NO)	1NC	25A	265,000
	NC1-2510	3P (3NO)	1NO	25A	265,000
	NC1-3201	3P (3NO)	1NC	32A	392,000
	NC1-3210	3P (3NO)	1NO	32A	392,000
	NC1-4011	3P (3NO)	1NO+1NC	40A	678,000
	NC1-5011	3P (3NO)	1NO+1NC	50A	708,000
	NC1-6511	3P (3NO)	1NO+1NC	65A	903,000
	NC1-8011	3P (3NO)	1NO+1NC	80A	1,174,000
NC1-9511	3P (3NO)	1NO+1NC	95A	1,204,000	
NC1-3P-Z (DC Coil)					
	NC1-0901Z	3P (3NO)	1NC	9A	425,000
	NC1-0910Z	3P (3NO)	1NO	9A	425,000
	NC1-1201Z	3P (3NO)	1NC	12A	440,000
	NC1-1210Z	3P (3NO)	1NO	12A	440,000
	NC1-1801Z	3P (3NO)	1NC	18A	469,000
	NC1-1810Z	3P (3NO)	1NO	18A	469,000
	NC1-2501Z	3P (3NO)	1NC	25A	674,000
	NC1-2510Z	3P (3NO)	1NO	25A	674,000

SẢN PHẨM	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT			ĐƠN GIÁ (VNĐ)	
		Pole	Auxiliary contact Rating Amps		
NC1-Series (IEC/EN604047-4)					
	NC1-3201Z	3P (3NO)	1NC	32A	791,000
	NC1-3210Z	3P (3NO)	1NO	32A	791,000
	NC1-4011Z	3P (3NO)	1NO+1NC	40A	1,553,000
	NC1-5011Z	3P (3NO)	1NO+1NC	50A	1,553,000
	NC1-6511Z	3P (3NO)	1NO+1NC	65A	1,699,000
	NC1-8011Z	3P (3NO)	1NO+1NC	80A	2,051,000
	NC1-9511Z	3P (3NO)	1NO+1NC	95A	2,168,000
NC1-4P (AC Coil)					
 	NC1-0904	4P(4NO)		9A	188,000
	NC1-0908	4P(2NO+2NC)		9A	188,000
	NC1-1204	4P(4NO)		12A	194,000
	NC1-1208	4P(2NO+2NC)		12A	194,000
	NC1-2504	4P(4NO)		25A	323,000
	NC1-2508	4P(2NO+2NC)		25A	323,000
	NC1-4004	4P(4NO)		40A	835,000
	NC1-4008	4P(2NO+2NC)		40A	835,000
	NC1-5004	4P(4NO)		50A	879,000
	NC1-5008	4P(2NO+2NC)		50A	879,000
	NC1-6504	4P(4NO)		65A	1,114,000
	NC1-6508	4P(2NO+2NC)		65A	1,114,000
	NC1-8004	4P(4NO)		80A	1,465,000
	NC1-8008	4P(2NO+2NC)		80A	1,465,000
	NC1-9504	4P(4NO)		95A	1,524,000
NC1-9508	4P(2NO+2NC)		95A	1,524,000	
NC2-Series (IEC/EN604047-4)					
NC2-3P (AC Coil)					
	NC2-115	3P (3NO)		115A	2,348,000
	NC2-150	3P (3NO)		150A	2,408,000
	NC2-185	3P (3NO)		185A	2,980,000
	NC2-225	3P (3NO)		225A	3,071,000
	NC2-265	3P (3NO)		265A	4,064,000
	NC2-330	3P (3NO)		330A	6,261,000
	NC2-400	3P (3NO)		400A	6,321,000
	NC2-500	3P (3NO)		500A	9,030,000
	NC2-630	3P (3NO)		630A	13,545,000

SẢN PHẨM	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT				ĐƠN GIÁ (VNĐ)
		Pole	Auxiliary contact	Rating Amps	
NC2-4P (AC Coil)					
	NC2-115	4P (4NO)		115A	2,988,000
	NC2-150	4P (4NO)		150A	3,076,000
	NC2-185	4P (4NO)		185A	3,750,000
	NC2-225	4P (4NO)		225A	3,867,000
	NC2-265	4P (4NO)		265A	5,273,000
	NC2-330	4P (4NO)		330A	7,616,000
	NC2-400	4P (4NO)		400A	8,055,000
	NC2-500	4P (4NO)		500A	14,938,000
	NC2-630	4P (4NO)		630A	18,160,000
NC6-Series (IEC/EN604047-4)					
NC6-3P (AC Coil)					
	NC6-0601	3P (3NO)	1NC	6A	181,000
	NC6-0901	3P (3NO)	1NC	9A	181,000
Tiếp điểm phụ và Timer gắn trên Contactor					
F4 - Tiếp điểm phụ					
	F4-11		1NO+1NC		29,000
	F4-02		2NC		29,000
	F4-20		2NO		29,000
	F4-31		3NO+1NC		48,000
	F4-13		1NO+3NC		48,000
	F4-22		2NO+2NC		48,000
	F4-04		4NC		48,000
	F4-40		4NO		48,000
NCF1-Tiếp điểm phụ					
	NCF1-11C		1NO+1NC		64,000
NCF8-Tiếp điểm phụ					
	NCF8-11C		1NO+1NC		102,000
F5(TIMER - Bộ định thời dùng trong Y-Δ)					
	F5-D0		1NO+1NC	0,1s-3s	343,000
	F5-D2		1NO+1NC	0,1s-30s	352,000
	F5-D4		1NO+1NC	10s-180s	352,000
	F5-T0		1NO+1NC	0,1s-3s	352,000
	F5-T2		1NO+1NC	0,1s-30s	352,000
	F5-T4		1NO+1NC	10s-180s	352,000

SẢN PHẨM	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT			ĐƠN GIÁ (VNĐ)	
		Pole	Auxiliary contact		Rating Amps
CJ19-Series (IEC/EN604047-4)					
	CJ19-2502	3P (3NO)	2NC	17A	319,000
	CJ19-2520	3P (3NO)	2NO	17A	319,000
	CJ19-2511	3P (3NO)	1NO+1NC	17A	319,000
	CJ19-3202	3P (3NO)	2NC	23A	377,000
	CJ19-3220	3P (3NO)	2NO	23A	377,000
	CJ19-3211	3P (3NO)	1NO+1NC	23A	377,000
	CJ19-4302	3P (3NO)	2NC	29A	517,000
	CJ19-4320	3P (3NO)	2NO	29A	517,000
	CJ19-4311	3P (3NO)	1NO+1NC	29A	517,000
	CJ19-6312	3P (3NO)	1NO+2NC	43A	1,063,000
	CJ19-6321	3P (3NO)	2NO+1NC	43A	1,063,000
	CJ19-9512	3P (3NO)	1NO+2NC	63A	1,366,000
	CJ19-9521	3P (3NO)	2NO+1NC	63A	1,366,000

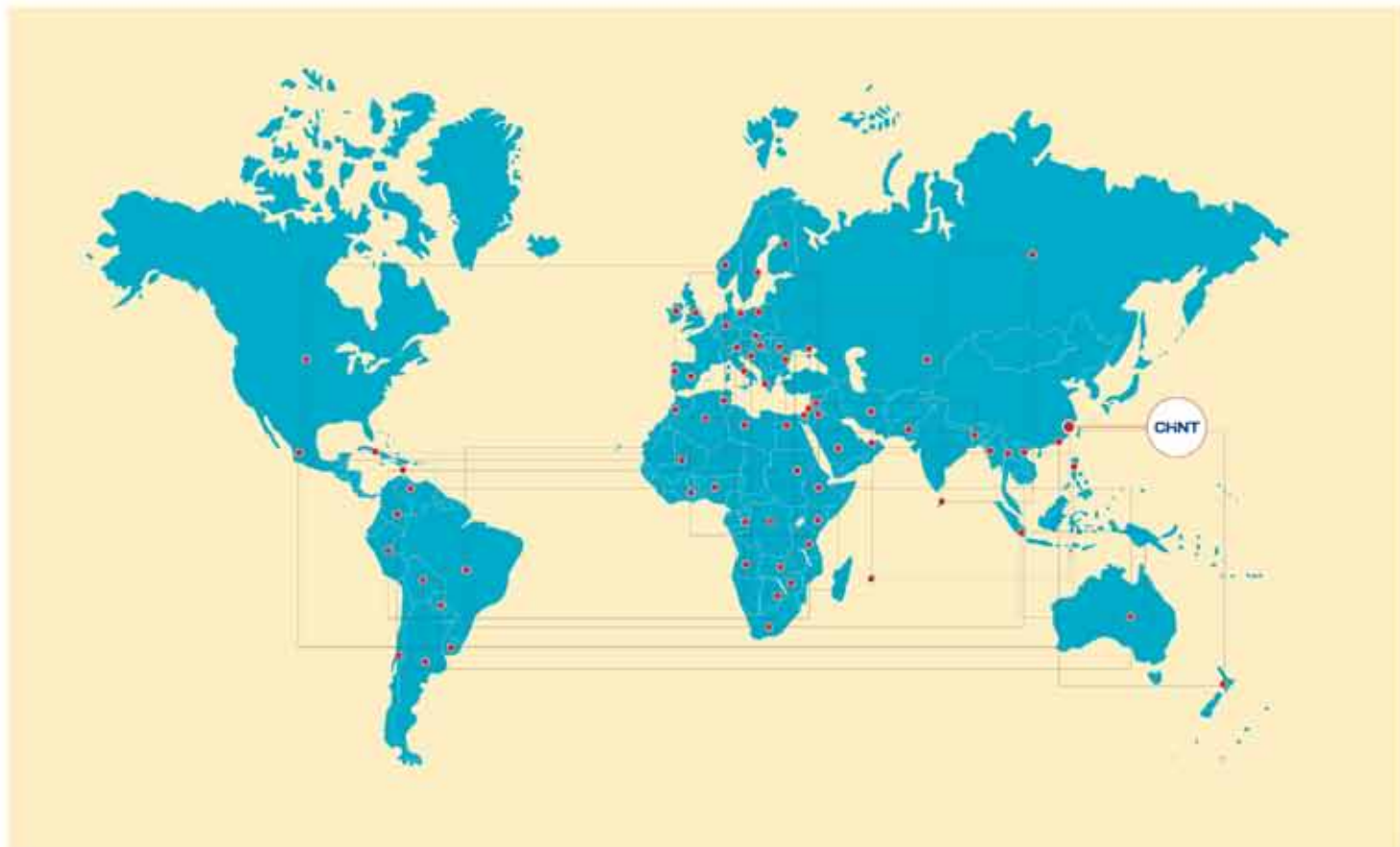
STARTER

SẢN PHẨM	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT			ĐƠN GIÁ (VNĐ)
		Chú thích	Rating Amps	
STARTER (IEC/EN604047-2, IEC604047-4-1)				
NS2 Manual Motor Starter				
	NS2-25	3P	0.1-0.16A	413,000
	NS2-25	3P	0.16-0.25A	413,000
	NS2-25	3P	0.25-0.4A	413,000
	NS2-25	3P	0.4-0.63A	413,000
	NS2-25	3P	0.63-1A	413,000
	NS2-25	3P	1-1.6A	413,000
	NS2-25	3P	1.6-2.5A	413,000
	NS2-25	3P	2.5-4A	413,000
	NS2-25	3P	4-6.3A	413,000
	NS2-25	3P	6-10A	413,000
	NS2-25	3P	9-14A	413,000
	NS2-25	3P	13-18A	413,000
	NS2-25	3P	17-23A	413,000
NS2-25	3P	20-25A	413,000	
NQ3 DOL Electromagnetic Starter				
	NQ3 - 5.5P	NC1-1810 + NR25	1-1.6A	680,000
	NQ3 - 5.5P		1.25-2A	680,000
	NQ3 - 5.5P		1.6-2.5A	680,000
	NQ3 - 5.5P		2.5-4A	680,000
	NQ3 - 5.5P		4-6A	680,000
	NQ3 - 5.5P		5.5-8A	680,000
	NQ3 - 5.5P		7-10A	680,000
	NQ3 - 5.5P		9-13A	933,000
	NQ3 - 11P	NC1-3210 + NR25	12-18A	933,000
	NQ3 - 11P		17-25A	933,000

SẢN PHẨM	MÃ HÀNG	Voltage	ĐƠN GIÁ (VNĐ)
RELAY TRUNG GIAN (Không đèn)			
 <p>JQX-10F</p>  <p>JQX-13F</p>  <p>JTX</p>  <p>JZX-22F</p>	JQX-10F 2Z	AC220V	78,000
	JQX-10F 2Z	DC24V	78,000
	JQX-10F 2Z	DC48V	78,000
	JQX-10F 3Z	AC220V	91,000
	JQX-10F 3Z	DC24V	91,000
	JQX-10F 3Z	DC48V	91,000
	JQX-13F 2Z	AC220V	54,000
	JQX-13F 2Z	DC24V	54,000
	JQX-13F 2Z	DC48V	54,000
	JTX-2C	AC220V	86,000
	JTX-2C	DC24V	86,000
	JTX-2C	DC48V	86,000
	JTX-3C	AC220V	102,000
	JTX-3C	DC24V	102,000
	JTX-3C	DC48V	102,000
	JZX-22F 2Z	AC220V	48,000
	JZX-22F 2Z	DC24V	48,000
	JZX-22F 2Z	DC48V	48,000
	JZX-22F 3Z	AC220V	54,000
	JZX-22F 3Z	DC24V	54,000
JZX-22F 3Z	DC48V	54,000	
JZX-22F 4Z	AC220V	59,000	
JZX-22F 4Z	DC24V	59,000	
JZX-22F 4Z	DC48V	59,000	
RELAY TRUNG GIAN (Có đèn)			
	JZX-22F(D) 2Z	AC220V	54,000
	JZX-22F(D) 2Z	DC24V	54,000
	JZX-22F(D) 2Z	DC48V	54,000
	JZX-22F(D) 3Z	AC220V	59,000
	JZX-22F(D)3Z	DC24V	59,000
	JZX-22F(D) 3Z	DC48V	59,000
	JZX-22F(D) 4Z	AC220V	62,000
	JZX-22F(D) 4Z	DC24V	62,000
	JZX-22F(D) 4Z	DC48V	62,000
ĐỂ RELAY			
	MÃ HÀNG	Voltage	ĐƠN GIÁ (VNĐ)
	CZF08A	JQX-10F 2Z JTX-2C	14,000
	CZF11A	JQX-10F 3Z JTX-3C	19,000
	CZY08B-01	JZX-22F 2Z	21,000
	CZY14B	JZX-22F 4Z	28,000
CZY11B	JZX-22F3Z	25,000	

Global Market Promotion

On the great efforts of the channel partners and the efficient implementation of the internationalization strategy, the brand of CHINT is rising in the global market in the terms of its brand awareness and popularity.



Advertisement During Local Water-splashing Festival, Myanmar



CHINT Products Installed in Switchgears, South Africa



Fairs, Local Agent Participated, Croatia



Warehouse of the Local Agent, UK



Office of the Local Agent, Indonesia



Seminar Held by Local Agent, Philippine



Sponsorship to National Football Game, Tunisia



Local Agent, Spain





Hannover Messe, Gemany



Delegation visit CHINT Headquarters, Bulgaria

SẢN PHẨM	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT			ĐƠN GIÁ (VNĐ)	
		Pole	Auxiliary contact		Rating Amps
NR2-Series (IEC/EN604047-4)					
NR2-11.5/Z					
	NR2-11.5/Z	3P (3NO)		0.1-0.16A	248,000
	NR2-11.5/Z	3P (3NO)		0.16-0.25A	248,000
	NR2-11.5/Z	3P (3NO)		0.25-0.4A	248,000
	NR2-11.5/Z	3P (3NO)		0.4-0.63A	248,000
	NR2-11.5/Z	3P (3NO)		0.63-1A	248,000
	NR2-11.5/Z	3P (3NO)		1-1.6A	248,000
	NR2-11.5/Z	3P (3NO)		1.25-2A	248,000
	NR2-11.5/Z	3P (3NO)		1.6-2.5A	248,000
	NR2-11.5/Z	3P (3NO)		2.5-4A	248,000
	NR2-11.5/Z	3P (3NO)		4-6A	248,000
	NR2-11.5/Z	3P (3NO)		5.5-8A	248,000
	NR2-11.5/Z	3P (3NO)		7-10A	248,000
	NR2-11.5/Z	3P (3NO)		9-13A	248,000
NR2-Series (IEC/EN604047-4)					
NR2-25G					
	NR2-25G	3P (3NO)		0.1-0.16A	192,000
	NR2-25G	3P (3NO)		0.16-0.25A	192,000
	NR2-25G	3P (3NO)		0.25-0.4A	192,000
	NR2-25G	3P (3NO)		0.4-0.63A	192,000
	NR2-25G	3P (3NO)		0.63-1A	192,000
	NR2-25G	3P (3NO)		1-1.6A	192,000
	NR2-25G	3P (3NO)		1.25-2A	192,000












SẢN PHẨM	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT				ĐƠN GIÁ (VNĐ)
		Pole	Auxiliary contact	Rating Amps	
	NR2-25G	3P (3NO)		1.6-2.5A	192,000
	NR2-25G	3P (3NO)		2.5-4A	192,000
	NR2-25G	3P (3NO)		4-6A	192,000
	NR2-25G	3P (3NO)		5.5-8A	192,000
	NR2-25G	3P (3NO)		7-10A	192,000
	NR2-25G	3P (3NO)		9-13A	192,000
	NR2-25G	3P (3NO)		12-18A	192,000
	NR2-25G	3P (3NO)		17-25A	192,000
	NR2-25G	3P (3NO)		23-32A	240,000
NR2-36G					
	NR2-36G	3P (3NO)		23-32A	306,000
	NR2-36G	3P (3NO)		28-36A	306,000
NR2-93G					
	NR2-93G	3P (3NO)		23-32A	373,000
	NR2-93G	3P (3NO)		30-40A	373,000
	NR2-93G	3P (3NO)		37-50A	373,000
	NR2-93G	3P (3NO)		48-65A	373,000
	NR2-93G	3P (3NO)		55-70A	373,000
	NR2-93G	3P (3NO)		63-80A	373,000
	NR2-93G	3P (3NO)		80-93A	373,000
	NR2-150G	3P (3NO)		80-104A	1,119,000
	NR2-150G	3P (3NO)		95-120A	1,119,000
	NR2-150G	3P (3NO)		110A-150A	1,119,000











SẢN PHẨM	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT			ĐƠN GIÁ (VNĐ)	
		Pole	Auxiliary contact		Rating Amps
NR2-200G					
	NR2-200G	3P (3NO)		80-125A	2,211,000
	NR2-200G	3P (3NO)		100-160A	2,211,000
	NR2-200G	3P (3NO)		125-160A	2,211,000
<p>NOTE: FOR CONTACTOR FROM NC2-115 TO NC2-225 (Dùng cho các loại Khởi từ NC2-115 đến NC2-225)</p>					
NR2-630G					
	NR2-630G	3P (3NO)		200-315A	3,595,000
	NR2-630G	3P (3NO)		250-400A	3,595,000
	NR2-630G	3P (3NO)		315-500A	3,595,000
	NR2-630G	3P (3NO)		400-630A	3,595,000


NOTE: FOR CONTACTOR FROM NC2-265 TO NC2-630/800
(Dùng cho các loại Khởi từ NC2-265 đến NC2-630/800)



SẢN PHẨM	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT				ĐƠN GIÁ (VNĐ)	
	Loại	Màu	Lamp/ Voltage	Tiếp điểm		
NP2 Series Pilot Device (Finished product)						
Plastic-headed / Nút nhấn không đèn						
NP2-EA						
   	○	NP2-EA11	Trắng		1NO	23,000
	●	NP2-EA21	Đen		1NO	23,000
	●	NP2-EA31	Xanh lá		1NO	23,000
	●	NP2-EA41	Đỏ		1NO	23,000
	●	NP2-EA51	Vàng		1NO	23,000
	●	NP2-EA61	Xanh dương		1NO	23,000
	○	NP2-EA12	Trắng		1NC	23,000
	●	NP2-EA22	Đen		1NC	23,000
	●	NP2-EA32	Xanh lá		1NC	23,000
	●	NP2-EA42	Đỏ		1NC	23,000
	●	NP2-EA52	Vàng		1NC	23,000
	●	NP2-EA62	Xanh dương		1NC	23,000
	○	NP2-EA13	Trắng		2NO	34,000
	●	NP2-EA23	Đen		2NO	34,000
	●	NP2-EA33	Xanh lá		2NO	34,000
	●	NP2-EA43	Đỏ		2NO	34,000
	●	NP2-EA53	Vàng		2NO	34,000
	●	NP2-EA63	Xanh dương		2NO	34,000
	○	NP2-EA14	Trắng		2NC	34,000
	●	NP2-EA24	Đen		2NC	34,000
	●	NP2-EA34	Xanh lá		2NC	34,000
	●	NP2-EA44	Đỏ		2NC	34,000
	●	NP2-EA54	Vàng		2NC	34,000
	●	NP2-EA64	Xanh dương		2NC	34,000
	○	NP2-EA15	Trắng		1NO+1NC	34,000
●	NP2-EA25	Đen		1NO+1NC	34,000	
●	NP2-EA35	Xanh lá		1NO+1NC	34,000	
●	NP2-EA45	Đỏ		1NO+1NC	34,000	
●	NP2-EA55	Vàng		1NO+1NC	34,000	
●	NP2-EA65	Xanh dương		1NO+1NC	34,000	
NP2-BA						
	○	NP2-BA11	Trắng		1NO	34,000
	●	NP2-BA21	Đen		1NO	34,000
	●	NP2-BA31	Xanh lá		1NO	34,000
	●	NP2-BA42	Đỏ		1NO	34,000
	●	NP2-BA51	Vàng		1NO	34,000
	●	NP2-BA61	Xanh dương		1NO	34,000
NP2-EL8						
	● ●	NP2-EL8325	Xanh lá + đỏ		1NO+1NC	40,000
	● ●	NP2-EL8425	Xanh lá + đỏ		1NO+1NC	40,000

SẢN PHẨM	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT				ĐƠN GIÁ (VNĐ)
	Loại	Màu	Lamp/ Voltage	Tiếp điểm	
NP2-EW3	Nút nhấn có đèn				
 <ul style="list-style-type: none"> ● ● ● ● ● ● ● ● ● ● ● ● 	NP2-EW3361	Xanh lá	LED 24V/ 220V	1NO	57,000
	NP2-EW3461	Đỏ		1NO	57,000
	NP2-EW3561	Vàng		1NO	57,000
	NP2-EW3661	Xanh dương		1NO	57,000
	NP2-EW3362	Xanh lá		1NC	57,000
	NP2-EW3462	Đỏ		1NC	57,000
	NP2-EW3562	Vàng		1NC	57,000
	NP2-EW3662	Xanh dương		1NC	57,000
	NP2-EW3365	Xanh lá		1NO+1NC	57,000
	NP2-EW3465	Đỏ		1NO+1NC	57,000
	NP2-EW3565	Vàng		1NO+1NC	57,000
	NP2-EW3665	Xanh dương		1NO+1NC	57,000
NP2-BW3					
 <ul style="list-style-type: none"> ● ● 	NP2-BW3361	Xanh lá	LED 220V	1NO	74,000
	NP2-BW3462	Đỏ	LED 220V	1NC	74,000
NP2-ES	Nút nhấn khẩn cấp-φ40mm				
 <ul style="list-style-type: none"> ● 	NP2-ES542	Đỏ	220V	1NC	34,000
NP2-BS					
 <ul style="list-style-type: none"> ● 	NP2-BS542	Đỏ	220V	1NC	57,000
Công tắc xoay - Không đèn					
NP2-EG (Loại có khóa)					
	NP2-EG21	2 vị trí		1NO	47,000
	NP2-EG35	3 vị trí		1NO+1NC	59,000
NP2-EJ (Loại cần dài)					
	NP2-EJ21	2 vị trí		1NO	25,000
	NP2-EJ22	2 vị trí		1NC	25,000
	NP2-EJ23	2 vị trí		2NO	37,000
	NP2-EJ24	2 vị trí		2NC	37,000
	NP2-EJ25	2 vị trí		1NO+1NC	37,000
	NP2-EJ31	3 vị trí		1NO	25,000
	NP2-EJ33	3 vị trí		2NO	37,000
	NP2-EJ34	3 vị trí		2NC	37,000
	NP2-EJ35	3 vị trí		1NO+1NC	51,000



SẢN PHẨM	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT				ĐƠN GIÁ (VNĐ)
	Loại	Màu	Lamp/ Voltage	Tiếp điểm	
NP2-ED (Loại cần gạt)					
	NP2-ED21	2 vị trí		1NO	25,000
	NP2-ED22	2 vị trí		1NC	25,000
	NP2-ED23	2 vị trí		2NO	37,000
	NP2-ED24	2 vị trí		2NC	37,000
	NP2-ED25	2 vị trí		1NO+1NC	37,000
	NP2-ED31	3 vị trí		1NO	25,000
	NP2-ED33	3 vị trí		2NO	37,000
	NP2-ED34	3 vị trí		2NC	37,000
	NP2-ED35	3 vị trí		1NO+1NC	37,000
	NP2-ED53	3 vị trí		1NO+1NC	37,000
Đế					
	NP2-BZ009				10,000
Tiếp điểm - Contact block					
NP2-BE					
	NP2-BE101			NO	15,000
	NP2-BE102			NC	16,000
Enclosure					
PIC					
	NP2-B01				40,000
	NP2-B02				51,000
	NP2-B03				63,000
	NP2-J01				40,000
	NP2-J174				94,000
	NP2-B102				83,000
	NP2-B103				83,000
	NP2-B213				120,000



SẢN PHẨM	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT				ĐƠN GIÁ (VNĐ)
	Loại	Màu	Lamp/ Voltage	Tiếp điểm	
	NP2-B215				120,000
	NP2-B101H29				83,000
	NP2-B111H29				83,000
	NP2-B112				83,000
	NP2-B114				83,000
	NP2-B132H29				94,000
	NP2-B142H29				94,000
NPH1					
	NPH1-1009	φ40mm		1NO	92,000
	NPH1-1010	φ60mm		1NO	92,000
	NPH1-10	IP54			66,000
	NPH1-20	IP54			72,000


SẢN PHẨM	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT				ĐƠN GIÁ (VNĐ)
	Loại	Màu	Lamp/ Voltage	Tiếp điểm	
NP8 Pilot Device					
Công tắc xoay - không đèn					
	● NP8-10X/213	Xanh lá	2 vị trí	1NO	62,000
	● NP8-10X/215	Xanh dương	2 vị trí	1NO	62,000
	● NP8-20X/313	Xanh lá	3 vị trí	2NO	62,000
	● NP8-20X/315	Xanh dương	3 vị trí	2NO	62,000
NP8-XD					
Công tắc xoay - có đèn					
	● NP8-10XD/21 (G)	Xanh lá	2 vị trí	1NO	121,000
	● NP8-10XD/21 (R)	Đỏ	2 vị trí	1NO	121,000
	● NP8-10XD/21 (Y)	Vàng	2 vị trí	1NO	121,000
	● NP8-10XD/21 (B)	Xanh dương	2 vị trí	1NO	121,000
	● NP8-11XD/21 (G)	Xanh lá	2 vị trí	1NO+1NC	149,000
	● NP8-11XD/21 (R)	Đỏ	2 vị trí	1NO+1NC	149,000
	● NP8-11XD/21 (Y)	Vàng	2 vị trí	1NO+1NC	149,000
	● NP8-11XD/21 (B)	Xanh dương	2 vị trí	1NO+1NC	149,000
	● NP8-20XD/31 (G)	Xanh lá	3 vị trí	2NO	171,000
	● NP8-20XD/31 (R)	Đỏ	3 vị trí	2NO	171,000
	● NP8-20XD/31 (Y)	Vàng	3 vị trí	2NO	171,000
	● NP8-20XD/31 (B)	Xanh dương	3 vị trí	2NO	171,000
	● NP8-11XD/31 (G)	Xanh lá	3 vị trí	2NO+2NC	136,000
	● NP8-11XD/31 (R)	Đỏ	3 vị trí	2NO+2NC	136,000
	● NP8-11XD/31 (Y)	Vàng	3 vị trí	2NO+2NC	136,000
	● NP8-11XD/31 (B)	Xanh dương	3 vị trí	2NO+2NC	136,000
NP3 Pilot Device					
Nút bấm					
	NP3-1	Lên, xuống			96,000
	NP3-2	Lên, xuống, trái, phải			142,000
	NP3-1A	Lên, xuống, ON,OFF			145,000
	NP3-2A	Lên, xuống, trái, phải, ON,OFF			197,000
	NP3-1B	Lên, xuống, ON,OFF			289,000
	NP3-2B	Lên, xuống, trái, phải, ON,OFF			393,000
	NP3-1K	Lên, xuống, ON,dừng khẩn cấp			176,000
	NP3-2K	Lên, xuống, trái, phải, ON,dừng khẩn cấp			242,000

SẢN PHẨM	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT				ĐƠN GIÁ (VNĐ)
	Loại	Màu	Lamp	Lamp-Voltage	
ND16 Indicator Light (đèn báo)					
ND16-22A/2	Loại đèn phẳng				
 <ul style="list-style-type: none"> <input type="radio"/> Trắng <input type="radio"/> Xanh lá <input type="radio"/> Đỏ <input type="radio"/> Vàng <input type="radio"/> Xanh dương 	ND16-22A/2	Trắng	LED	AC/DC 6V,12V,24V, 36V,48V,110V,230V,400V	26,000
	ND16-22A/2	Xanh lá	LED		26,000
	ND16-22A/2	Đỏ	LED		26,000
	ND16-22A/2	Vàng	LED		26,000
	ND16-22A/2	Xanh dương	LED		26,000
ND16-22AS/2					
 <ul style="list-style-type: none"> <input type="radio"/> Trắng <input type="radio"/> Xanh lá <input type="radio"/> Đỏ <input type="radio"/> Vàng <input type="radio"/> Xanh dương 	ND16-22AS/2	Trắng	LED	AC/DC 6V, 12V, 24V, 36V, 48V	30,000
	ND16-22AS/2	Xanh lá	LED		30,000
	ND16-22AS/2	Đỏ	LED		30,000
	ND16-22AS/2	Vàng	LED		30,000
	ND16-22AS/2	Xanh dương	LED		30,000
ND16-22A/4					
 <ul style="list-style-type: none"> <input type="radio"/> Trắng <input type="radio"/> Xanh lá <input type="radio"/> Đỏ <input type="radio"/> Vàng <input type="radio"/> Xanh dương <input type="radio"/> Trắng -F <input type="radio"/> Xanh lá -F <input type="radio"/> Đỏ -F <input type="radio"/> Vàng -F <input type="radio"/> Xanh dương -F 	ND16-22A/4	Trắng	LED	AC 110V,230V,400V	34,000
	ND16-22A/4	Xanh lá	LED		34,000
	ND16-22A/4	Đỏ	LED		34,000
	ND16-22A/4	Vàng	LED		34,000
	ND16-22A/4	Xanh dương	LED		34,000
	ND16-22A/4 -F	Trắng	LED	AC 230V,400V	29,000
	ND16-22A/4 -F	Xanh lá	LED		29,000
	ND16-22A/4 -F	Đỏ	LED		29,000
	ND16-22A/4 -F	Vàng	LED		29,000
	ND16-22A/4 -F	Xanh dương	LED		29,000
ND16-22B/2					
 <ul style="list-style-type: none"> <input type="radio"/> Trắng <input type="radio"/> Xanh lá <input type="radio"/> Đỏ <input type="radio"/> Vàng <input type="radio"/> Xanh dương 	ND16-22B/2	Trắng	LED	AC/DC 6V,12V,24V, 36V,48V,110V,230V,400V	30,000
	ND16-22B/2	Xanh lá	LED		30,000
	ND16-22B/2	Đỏ	LED		30,000
	ND16-22B/2	Vàng	LED		30,000
	ND16-22B/2	Xanh dương	LED		30,000
ND16-22BS/2					
 <ul style="list-style-type: none"> <input type="radio"/> Trắng <input type="radio"/> Xanh lá <input type="radio"/> Đỏ <input type="radio"/> Vàng <input type="radio"/> Xanh dương 	ND16-22BS/2	Trắng	LED	AC/DC 6V,12V,24V, 36V,48V	30,000
	ND16-22BS/2	Xanh lá	LED		30,000
	ND16-22BS/2	Đỏ	LED		30,000
	ND16-22BS/2	Vàng	LED		30,000
	ND16-22BS/2	Xanh dương	LED		30,000
ND16-22B/4					
 <ul style="list-style-type: none"> <input type="radio"/> Trắng <input type="radio"/> Xanh lá <input type="radio"/> Đỏ <input type="radio"/> Vàng <input type="radio"/> Xanh dương <input type="radio"/> Trắng -F <input type="radio"/> Xanh lá -F <input type="radio"/> Đỏ -F <input type="radio"/> Vàng -F <input type="radio"/> Xanh dương -F 	ND16-22B/4	Trắng	LED	AC 110V,230V,400V	34,000
	ND16-22B/4	Xanh lá	LED		4,000
	ND16-22B/4	Đỏ	LED		34,000
	ND16-22B/4	Vàng	LED		34,000
	ND16-22B/4	Xanh dương	LED		34,000
	ND16-22B/4 -F	Trắng	LED	AC 230V,400V	29,000
	ND16-22B/4 -F	Xanh lá	LED		29,000
	ND16-22B/4 -F	Đỏ	LED		29,000
	ND16-22B/4 -F	Vàng	LED		29,000
	ND16-22B/4 -F	Xanh dương	LED		29,000

SẢN PHẨM	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT				ĐƠN GIÁ (VNĐ)
	Loại	Màu	Lamp	Lamp-Voltage	
ND16-22C/2					
 <ul style="list-style-type: none"> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> 	ND16-22B/2	Trắng	LED	AC/DC 6V,12V,24V, 36V,48V,110V,230V,400V	30,000
	ND16-22C/2	Xanh lá	LED		30,000
	ND16-22C/2	Đỏ	LED		30,000
	ND16-22C/2	Vàng	LED		30,000
	ND16-22C/2	Xanh dương	LED		30,000
ND16-22CS/2					
 <ul style="list-style-type: none"> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> 	ND16-22CS/2	Trắng	LED	AC/DC 6V,12V,24V, 36V,48V	30,000
	ND16-22CS/2	Xanh lá	LED		30,000
	ND16-22CS/2	Đỏ	LED		30,000
	ND16-22CS/2	Vàng	LED		30,000
	ND16-22CS/2	Xanh dương	LED		30,000
ND16-22C/4					
 <ul style="list-style-type: none"> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> 	ND16-22C/4	Trắng	LED	AC 110V,230V,400V	34,000
	ND16-22C/4	Xanh lá	LED		34,000
	ND16-22C/4	Đỏ	LED		34,000
	ND16-22C/4	Vàng	LED		34,000
	ND16-22C/4	Xanh dương	LED		34,000
	ND16-22C/4 -F	Trắng	LED	AC 230V,400V	29,000
	ND16-22C/4 -F	Xanh lá	LED		29,000
	ND16-22C/4 -F	Đỏ	LED		29,000
	ND16-22C/4 -F	Vàng	LED		29,000
	ND16-22C/4 -F	Xanh dương	LED		29,000
ND16-22D/2					
 <ul style="list-style-type: none"> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> 	ND16-22D/2	Trắng	LED	AC/DC 6V,12V,24V, 36V,48V,110V,230V,400V	30,000
	ND16-22D/2	Xanh lá	LED		30,000
	ND16-22D/2	Đỏ	LED		30,000
	ND16-22D/2	Vàng	LED		30,000
	ND16-22D/2	Xanh dương	LED		30,000
ND16-22DS/2					
 <ul style="list-style-type: none"> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> 	ND16-22DS/2	Trắng	LED	AC/DC 6V,12V, 24V, 36V,48V	30,000
	ND16-22DS/2	Xanh lá	LED		30,000
	ND16-22DS/2	Đỏ	LED		30,000
	ND16-22DS/2	Vàng	LED		30,000
	ND16-22DS/2	Xanh dương	LED		30,000
ND16-22D/4					
 <ul style="list-style-type: none"> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> 	ND16-22D/4	Trắng	LED	AC 110V,230V,400V	36,000
	ND16-22D/4	Xanh lá	LED		36,000
	ND16-22D/4	Đỏ	LED		36,000
	ND16-22D/4	Vàng	LED		36,000
	ND16-22D/4	Xanh dương	LED		36,000
	ND16-22D/4 -F	Trắng	LED	AC 230V,400V	29,000
	ND16-22D/4 -F	Xanh lá	LED		29,000
	ND16-22D/4 -F	Đỏ	LED		29,000
	ND16-22D/4 -F	Vàng	LED		29,000
	ND16-22D/4 -F	Xanh dương	LED		29,000

SẢN PHẨM	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	ĐƠN GIÁ (VNĐ)
	Mã hàng	
RCT Current Transformer (IEC/EN 60044-1)		
	RCT-60 400/5	389,000
	RCT-60 600/5	405,000
	RCT-60 800/5	467,000
	RCT-60 1000/5	483,000
	RCT-90 1200/5	483,000
	RCT-90 1600/5	539,000
	RCT-110 2000/5	846,000
	RCT-110 2500/5	929,000
	RCT-110 3000/5	1,012,000
BH(SDH)-0.66 II Current Transformer (IEC/EN 60044-1)		
	BH(SDH)-0.66 II 200/5	347,000
	BH(SDH)-0.66 II 250/5	347,000
	BH(SDH)-0.66 II 500/5	584,000
	BH(SDH)-0.66 II 600/5	584,000
	BH(SDH)-0.66 II 800/5	630,000
	BH(SDH)-0.66 II 1000/5	653,000
	BH(SDH)-0.66 II 1200/5	669,000
	BH(SDH)-0.66 II 1500/5	716,000
	BH(SDH)-0.66 II 2000/5	778,000

SẢN PHẨM	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	ĐƠN GIÁ (VNĐ)
	Mã hàng	
Đồng hồ Ampe, size 96x96		
	NP96-A 100/5A	167,000
	NP96-A 200/5A	167,000
	NP96-A 400/5A	167,000
	NP96-A 800/5A	167,000
	NP96-A 2000/5A	167,000
	NP96-A 4000/5A	167,000
	NP96-V 0-500V	202,000

SẢN PHẨM	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	ĐƠN GIÁ (VNĐ)
	Mã hàng	
Công tắc hành trình		
	YBLX 19/131	109,000
	YBLX-ME/8104	188,000
	YBLX-ME/8108	207,000
	YBLXW-5/11G1	43,000
	YBLXW-5/11G2	44,000
	YBLXW-5/11Q1	117,000
	YBLXW-N/E/D	24,000

Business Categories



CHINT was founded in July 1984 in Wenzhou by a few local entrepreneurs. In the last 24 years, CHINT has expanded from a home workshop of 7 workers to a leading manufacturer of electrical products specialized in five categories, including Power Transmission & Distribution, Low-voltage Electrics, Electrics for Construction Application, Meters & Instruments and Solar Products.

